

THAM LUẬN
TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 24-NQ/TW VỀ CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Được sự đồng ý của chủ trì Hội nghị, thay mặt Cục Quản lý tài nguyên nước, tôi xin tham luận chủ đề “*Tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu*”.

Tài nguyên nước là một trong những lĩnh vực quản lý của Bộ tài nguyên và Môi trường, đã và đang nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Chính phủ và toàn xã hội. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Cục Quản lý tài nguyên nước luôn nhận thức rõ trách nhiệm trong ý thức và hành động, luôn nâng cao chất lượng công tác quản lý tài nguyên nước nhất là trong công tác (1) tham mưu xây dựng cơ chế chính sách; (2) xây dựng quy hoạch; (3) tổ chức thực hiện quy hoạch, nhiệm vụ quản lý; (4) kiểm tra giám sát thực hiện, trong bối cảnh nguồn nước chịu nhiều thách thức:

Mặc dù được nhận định là quốc gia có nguồn tài nguyên nước khá phong phú (trung bình khoảng **9.589 m³/người/năm**, cao hơn so với tiêu chuẩn của khu vực và trên toàn cầu). Tuy nhiên, nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh của Việt Nam thì **chỉ đạt 4.421 m³/người/năm**, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á (4.900 m³/người/năm). Nguồn nước nước ta chủ yếu phụ thuộc rất lớn từ nước ngoài (khoảng 504,4 tỷ m³, **chiếm 60%**) với khoảng 206 sông, suối xuyên biên giới, thuộc địa bàn 25 tỉnh biên giới từ Quảng Ninh đến Kiên Giang; nguồn nước đang được sử lãng phí, hiệu suất sử dụng nước rất thấp, chỉ tạo ra GDP khoảng **2,37 USD/1m³** chỉ bằng khoảng 12% so với mức trung bình của thế giới (19,42USD/1m³).

Tại Việt Nam, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp và sâu sắc đến tài nguyên nước Việt Nam, làm thay đổi vòng tuần hoàn nước trong tự nhiên, từ đó gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, tăng ngập lụt vào mùa mưa, gia tăng hạn hán vào mùa khô, gia tăng xâm nhập mặn.

Vì vậy việc quản lý phải gắn với thích ứng BĐKH, tăng cường tích trữ nước, sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, có được cơ chế thu hút đầu tư từ các tổ chức cá nhân, xã hội hoá ngành nước... hướng tới đảm bảo an ninh nguồn nước theo các chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, nhất là việc thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW; Kết luận số 36-KL/TW về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 Ngày 28/3/2022 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông trong phạm vi cả nước để bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, **trong những năm vừa qua**, Cục Quản lý tài nguyên nước đã chú trọng triển khai đồng bộ một số giải pháp như:

(1) Đẩy mạnh hoạt động điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên nước. Cụ thể, đã trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 432/QĐ-TTg), đã thực hiện trên 50 đề án, dự án liên quan đến điều tra, đánh giá tài nguyên nước với các nhóm nội dung chính sau: (1) lập bản đồ lưu vực sông; bản đồ đặc trưng lưu vực sông; (2) điều tra, tìm kiếm đánh giá, lập bản đồ nước dưới đất tỷ lệ 1:200.000 trên toàn quốc, bản đồ nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000, tỷ lệ 1: 50.000 và 1:25.000 kèm theo các thông tin về số lượng, chất lượng nước dưới đất ở những khu vực tập trung khai thác, phát hiện nguồn nước dưới đất cho một số đảo quan trọng về quốc phòng, an ninh và vùng núi cao, khan hiếm về nguồn nước; (3) vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên nước trung ương (trên **23 trạm quan trắc nước mặt**, 412 điểm nước dưới đất với **805 giếng quan trắc**); (4) lập danh mục nguồn nước, hồ ao liên tỉnh; (5) hàng năm công bố dòng chảy tối thiểu sau đập, hồ chứa nước; (6) đang tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia; (7) Báo cáo sử dụng nước hàng năm của các bộ ngành liên quan, và địa phương; (8) giám sát trực tuyến hoạt động khai thác sử dụng nước của các công trình khai thác và các hồ thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa; (9) công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia, đánh giá được tiềm năng tài nguyên nước của cả nước là **935 tỷ m³** (nước mặt: **844 tỷ m³**, nước dưới đất: **91 tỷ m³**), trong đó dự báo lượng nước có thể khai thác đến năm 2023 là **382 tỷ m³** ứng với **tần suất 85%**.

(2) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy hoạch tài nguyên nước: đã có 07/15 quy hoạch về tài nguyên nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm Quy hoạch tài nguyên nước (quốc gia) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 05 quy hoạch tổng hợp LVS Bằng Giang - Kỳ Cùng, Srêpôk, Sê San, Hồng - Thái Bình và Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, 08 quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông liên tỉnh còn lại tiếp tục xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2023-2024.

Đến tháng 6/2023, đã có 26/63 địa phương (~ 41,3%) phê duyệt, công bố danh mục và bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định. Đã có 43/63 địa phương (~ 68%) đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, trong đó có 19 tỉnh đang triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

Nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước đã được triển khai; các chính sách tưới tiêu tiết kiệm nước trong nông nghiệp được ban hành.

Hoạt động điều hoà phân bổ nguồn nước được thực hiện một cách khoa học thông qua việc **hành hành liên hồ chứa theo quy trình** được Chính phủ phê duyệt đã tạo tiền đề cho việc sử dụng nước hiệu quả.

Quản lý tài nguyên nước dần dần đi vào nền nếp, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, bình quân thu từ thuế tài nguyên nước khoảng **7,5 nghìn tỷ đồng/năm**, từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khoảng **1,5 nghìn tỷ đồng/năm** (đến cuối năm 2022 tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã thu khoảng **12 nghìn tỷ đồng**, ở trung ương đã phê duyệt **11,48 nghìn tỷ đồng**, địa phương phê duyệt 700 tỷ đồng, hiện tại số thu tiền cấp quyền khai thác hàng năm khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng)

(3) Hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên nước: Việt Nam đã tham gia Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy, thúc đẩy hợp tác với Ủy hội sông Mê Công quốc tế; triển khai các hoạt động để theo dõi biến động của các nguồn nước xuyên quốc gia. Bộ TNMT đã triển khai các giải pháp giám sát sự biến động nguồn nước của các quốc gia thượng nguồn như Trung Quốc, Lào, CamPuChia để phục vụ công tác điều hoà phân bổ nguồn nước phía Việt Nam. Đồng thời, thúc đẩy công tác ngoại giao, hợp tác quốc tế trong quản lý nguồn nước liên quốc gia, nguồn nước quốc tế, tích cực đã tham gia các hiệp định, công ước, hợp tác, thỏa thuận liên quan, điển hình là hợp tác, hợp tác, chia sẻ lợi ích, bảo đảm công bằng và hợp lý trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước liên quốc gia trên nguyên tắc bảo đảm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Trong thời gian tới, để nâng cao công tác quản lý tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, một số giải pháp được đề xuất, cụ thể:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên nước. Tiếp tục hoàn thiện và trình Quốc hội thông qua Luật Tài nguyên nước theo tiến độ đã đề ra. Trong đó, dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) bám sát vào 04 chính sách đã được Quốc hội thông qua tại Nghị Quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022, gồm: bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra, trong đó đề cao được quan điểm quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên nước, phân công phân cấp rõ ràng cho các Bộ, ngành địa phương, có cơ chế chính sách xã hội hoá đầu tư phục hồi các dòng sông bị suy thoái ô nhiễm như Nhuệ Đáy, Bắc Hưng Hải,...

Hai là, tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu theo hình thức kết nối trực tuyến online, trong đó quy định trách nhiệm quan trắc vận hành của các chủ công trình phải kết nối vào hệ thống thông tin dữ liệu, giám sát khai thác tài nguyên nước, kết hợp các công cụ mô hình toán, mô hình thủy văn, thủy lực hỗ trợ ra quyết định trong việc điều hành, điều hoà phân bổ nguồn nước.

Ba là, tăng cường việc lập, phê duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông; lồng ghép nội dung quy hoạch tài nguyên nước trong các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 08 Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Mã, Cả, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn, Ba và Đồng Nai trong năm 2023 và năm 2024.

Bốn là, tiếp tục nghiêm túc, triển khai thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm các nội dung liên quan đến tài nguyên nước như: Hoàn thiện hệ thống quan trắc và giám sát tài nguyên nước quốc gia; Điều tra, đánh giá và xây dựng các giải pháp tổng thể về trữ nước dựa vào xu thế tự nhiên của từng khu vực; Phân loại mức độ khan hiếm nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác, sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước; Điều tra đánh giá, xác định giải pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất cho các khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Năm là, tăng cường thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia: xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung và hình thức tuyên truyền thích hợp cho từng nhóm đối tượng trong xã hội. Phát huy vai trò các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về các chủ trương, chính sách và pháp luật về an ninh tài nguyên nước; duy trì nội dung giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên nước trong hệ thống giáo dục quốc dân./.